

HOẠT ĐỘNG VẬN ĐỘNG, KẾT NỐI NGUỒN LỰC HỖ TRỢ NGƯỜI KHUYẾT TẬT - TIẾP CẬN DƯỚI GÓC ĐỘ CÔNG TÁC XÃ HỘI: NGHIÊN CỨU TẠI THỊ TRẤN THANH SƠN, HUYỆN THANH SƠN, TỈNH PHÚ THỌ

NGUYỄN TRUNG HẢI, VŨ XUÂN DŨNG*

Tóm tắt: Người khuyết tật là một trong những nhóm người yếu thế trong xã hội luôn được quan tâm hỗ trợ. Trong những năm qua, đã có nhiều chính sách và các hoạt động can thiệp hỗ trợ nhưng người khuyết tật (NKT) vẫn phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức trong cuộc sống. Bài viết phân tích hoạt động vận động, kết nối nguồn lực cho NKT theo cách tiếp cận công tác xã hội. Kết quả cho thấy các hoạt động vận động, kết nối nguồn lực đã được thực hiện tại địa bàn nghiên cứu; NKT cũng đánh giá cao về sự cần thiết của hoạt động này. Tuy nhiên còn một số nguồn lực vẫn chưa thực sự được vận động tốt vì cả lý do chủ quan cũng như lý do khách quan. Ngoài ra cũng còn có một số nguồn lực mặc dù đã vận động được cho NKT, tuy nhiên những nguồn lực này lại chưa mang lại nhiều lợi ích cho NKT. Do đó việc vận dụng kiến thức, kỹ năng cũng như nâng cao vai trò của nhân viên CTXH là rất quan trọng trong việc vận động kết nối được nhiều nguồn lực hơn giúp NKT sử dụng những nguồn lực đó một cách hiệu quả nhất.

Từ khoá: Người khuyết tật, công tác xã hội, vận động nguồn lực, kết nối nguồn lực.

RESOURCE MOBILIZATION AND CONNECTION ACTIVITIES TO SUPPORT PEOPLE WITH DISABILITIES – FROM SOCIAL WORK PERSPECTIVE: THE STUDY IN THANH SƠN TOWN, THANH SON DISTRICT, PHU THO PROVINCE

Abstract: People with disabilities are one of the disadvantaged groups in society that are always cared for and supported. Over the years, although there have been many supportive policies and interventions, people with disabilities still face difficulties and challenges in life. This paper analyzes how to support people with disabilities according to the social work approach. The results show that the connection of resources has been carried out in the study area; which is also highly appreciated by people with disabilities. However, there are still some

* Trường Đại học Lao động - Xã hội

Ngày nhận bài: 25/6/2023; Ngày phản biện: 10/07/2023; Ngày duyệt đăng: 15/11/2023

resources that have not been properly mobilized due to both subjective and objective reasons. Additionally, although some resources have been mobilised for people with disabilities, these resources have not brought many benefits to people with disabilities. Therefore, applying knowledge and skills as well as enhancing the role of social workers are very important in mobilizing to connect more resources as well as helping people with disabilities use those resources most effectively.

Keywords: *People with disabilities, social work, resource mobilization, resource connection.*

1. Đặt vấn đề

Tại Việt Nam, lực lượng lao động khuyết tật chiếm tỷ lệ không nhỏ. Theo số liệu thống kê của Ủy ban Quốc gia về người khuyết tật (NKT), đến đầu năm 2018, Việt Nam có khoảng tám triệu NKT từ 5 tuổi trở lên chiếm 7,8% dân số. Nguyên nhân khuyết tật là do bẩm sinh, di truyền, tai nạn giao thông, tai nạn lao động, thương tật do chiến tranh, ô nhiễm môi trường, biến đổi khí hậu, thiên tai địch họa... dự báo trong những năm tới, số lượng NKT sẽ tiếp tục gia tăng. Mặc dù Việt Nam đã nỗ lực trong việc nâng cao và cải thiện chất lượng cuộc sống của NKT bằng việc tham gia ký kết Công ước về quyền của NKT; ban hành các chính sách, chương trình trợ giúp NKT cũng như gia đình NKT nhằm tạo mọi cơ hội cho NKT tham gia hòa nhập vào cộng đồng và có cơ hội phát triển. Tuy nhiên, NKT vẫn còn gặp nhiều khó khăn và bất bình đẳng trong cuộc sống hàng ngày, những khó khăn mà NKT thường gặp đó là vấn đề phân biệt đối xử, bị hạn chế các cơ hội về học tập và việc làm, chưa tiếp cận được các dịch vụ công và các chính sách xã hội. Để giải quyết những khó khăn mà NKT gặp phải, đòi hỏi cả cộng đồng và xã hội phải có những hoạt động can thiệp trợ giúp NKT giải quyết các vấn đề, đáp ứng các nhu cầu về cả vật chất lẫn tinh thần, trong đó hoạt động vận động kết nối nguồn lực được coi là một trong những hoạt động quan trọng nhằm đáp ứng những nhu cầu cơ bản cũng như tạo điều kiện cho NKT được hoà nhập cộng đồng.

2. Phương pháp nghiên cứu

Bài viết phân tích từ số liệu của nghiên cứu “Hoạt động Công tác xã hội trong hỗ trợ NKT tại thị trấn Thanh Sơn, Việt Nam” được thực hiện năm 2019. Nghiên cứu đã khảo sát 100 trên tổng số 128 NKT tại địa bàn nghiên cứu. Đây là những NKT có độ tuổi từ 16 đến 60 và chủ yếu là NKT có đủ năng lực trả lời bảng hỏi. Quá trình khảo sát luôn được đảm bảo tính khuyết danh và không gây nguy hiểm cho người trả lời. Ngoài ra nhóm khảo sát luôn sẵn sàng giải thích nếu NKT chưa hiểu rõ câu hỏi.

Phương pháp phân tích tài liệu: Phương pháp này được sử dụng trong suốt quá trình nghiên cứu đề tài. Trong quá trình nghiên cứu về đề tài, nhóm nghiên cứu đã thực hiện thu thập các tài liệu báo cáo thống kê, các cuộc khảo sát, điều tra về NKT của Ban Thương binh - Xã hội thuộc UBND thị trấn Thanh Sơn. Đồng thời đã thu thập các tài liệu nghiên cứu về NKT, CTXH với NKT để xây dựng cơ sở lý luận và và khung lý thuyết nghiên cứu của đề tài

và phân tích cũng như đánh giá các hoạt động CTXH trong hỗ trợ NKT tại thị trấn Thanh Sơn, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ.

Phương pháp điều tra bảng hỏi: Nghiên cứu sử dụng phương pháp này để thu thập các thông tin từ nhóm khách thể về nhu cầu của NKT cũng như các hoạt động hỗ trợ đối với NKT, đánh giá hiệu quả của các hoạt động CTXH trong hỗ trợ NKT, đưa ra các đề xuất để tăng cường tính hiệu quả và chất lượng của các hoạt động CTXH trong hỗ trợ NKT. Nghiên cứu đã khảo sát 100 trên tổng số 128 NKT tại địa bàn nghiên cứu. Đây là những NKT có độ tuổi từ 16 đến 60 và có đủ năng lực trả lời bảng hỏi. Quá trình khảo sát luôn được đảm bảo tính khuyết danh và không gây nguy hiểm cho người trả lời. Ngoài ra nhóm khảo sát luôn sẵn sàng giải thích nếu NKT chưa hiểu rõ câu hỏi. Nhóm nghiên cứu sẽ lựa chọn ngẫu nhiên đối tượng khảo sát thông qua danh sách NKT của chính quyền địa phương.

3. Kết quả nghiên cứu

Bảng 1. Nguồn lực và Tần suất tham gia hỗ trợ NKT

Các nguồn tham gia hỗ trợ	Được hỗ trợ	Tần suất hỗ trợ			
		Ít	Thỉnh thoảng	Thường xuyên	Rất thường xuyên
Gia đình	91.7%	0%	8.3%	25%	66.7%
Chính quyền địa phương	100%	8.3%	45.8%	29.2%	16.7%
Các cơ quan, trung tâm, tổ chức, đơn vị tại địa phương	83.3%	8.3%	70.8%	16.7%	4.2%
Người dân tại cộng đồng	33.3%	12.5%	58.3%	20.8%	8.3%
Họ hàng, người thân	75%	12.5%	45.8%	29.2%	12.5%
Các doanh nghiệp/ nhà hảo tâm tại địa phương	62.5%	25%	54.2%	12.5%	8.3%
Bạn bè	45.8%	42%	29.2%	25%	4.2%
Các tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp từ địa phương khác	58.5%	37.5%	41.7%	20.8%	0%

Nguồn: Số liệu khảo sát của đề tài (2019)

Mục đích của hoạt động vận động/kết nối nguồn lực này là nhằm giúp cho những NKT có thể tìm kiếm các nguồn lực (nội lực, ngoại lực) bao gồm về con người, cơ sở vật chất, tài chính, kỹ thuật, sự ủng hộ về quan điểm và chính sách, cung cấp cho NKT những thông tin cần thiết về các dịch vụ, chính sách, nguồn tài nguyên đang sẵn có từ các cơ quan tổ chức để NKT có thể tiếp cận được với những nguồn lực trên nhằm hỗ trợ cho cuộc sống của NKT.

Số liệu Bảng 1 cho thấy các nguồn lực tham gia hỗ trợ cho NKT tại thị trấn Thanh Sơn có sự đa dạng, phong phú. Cụ thể là:

Tất cả những NKT đã và đang nhận được sự hỗ trợ của hoạt động vận động/ kết nối nguồn lực cho rằng họ được cán bộ, chính quyền địa phương tham gia vận động/kết nối

nguồn lực. Điều này cho thấy các cán bộ lãnh đạo cùng với các cán bộ các cấp Ủy - Đảng đã có sự phối hợp rất chặt chẽ trong việc thực hiện hoạt động vận động/kết nối để hỗ trợ cho NKT tại địa phương. Tuy nhiên tần suất hỗ trợ chưa được thường xuyên, do đó vẫn cần lưu ý trong việc lập kế hoạch để không phải chỉ những dịp Lễ, Tết hay sự kiện thì NKT mới được nhận hỗ trợ từ những nguồn lực này.

Gia đình NKT chính là nguồn lực được đa số NKT lựa chọn với 91.7%. Ngoài ra đây cũng là nguồn lực thường xuyên hỗ trợ NKT nhất. Gia đình chính là một nhân tố vô cùng quan trọng và có vai trò lớn các hoạt động hỗ trợ NKT. Sự yêu thương, chăm sóc, sự hiểu biết của các thành viên trong gia đình hay điều kiện về kinh tế của gia đình sẽ là một nguồn lực vô cùng to lớn hỗ trợ rất nhiều cho NKT. Mặc dù chỉ có 1 số lượng nhỏ, tuy cần còn 1 số NKT chưa nhận được sự hỗ trợ và ủng hộ của gia đình. Như vậy, đây cũng là những trường hợp cần được quan tâm, lưu ý cũng như có những can thiệp sâu hơn hoặc nhân viên CTXH cần thực hiện quản lý trường hợp.

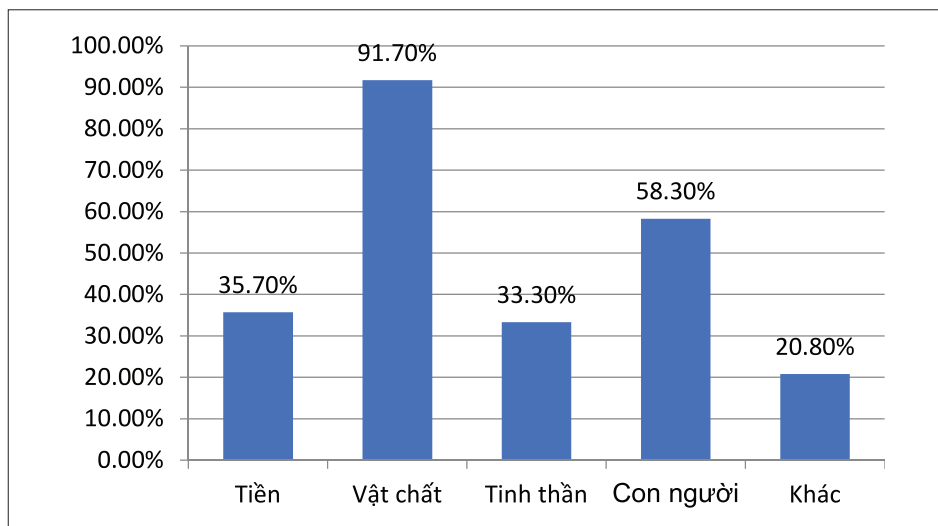
Các cơ quan, tổ chức, đơn vị như Ngân hàng nông nghiệp, Quỹ tín dụng nhân dân, Bảo hiểm xã hội, trung tâm y tế tại địa phương được 83,3% NKT lựa chọn. Đây là các đơn vị vô cùng quan trọng, tham gia hỗ trợ NKT trong chăm sóc sức khỏe, việc làm và hoạt động sinh kế hàng ngày. Đặc biệt là những nguồn lực về vật chất, tiền sẽ được huy động từ nguồn này. Tuy nhiên tần suất được huy động phần lớn chỉ ở mức thỉnh thoảng. Như vậy cũng sẽ chưa thực sự đáp ứng nhu cầu cơ bản hay phát triển sản xuất, sinh kế.

Người thân, họ hàng được 75% NKT lựa chọn. Đây là những người có quan hệ ruột thịt thân thiết với NKT. Tình yêu thương, sự ủng hộ, động viên của những người thân thiết sẽ là một nguồn cổ vũ, sức mạnh to lớn đối với NKT. Tuy nhiên, do nhiều yếu tố như khoảng cách địa lý, quan niệm tư duy, nhận thức của những người thân trong họ hàng mà nhiều NKT không thường xuyên nhận được sự hỗ trợ từ nguồn lực quan trọng này.

Có 62,5% NKT được các doanh nghiệp/ các nhà hảo tâm tại địa phương hỗ trợ. Con số này là 58,5% đối với các tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp từ địa phương khác. Đây là những nguồn lực hỗ trợ về công việc, về kinh tế quan trọng đối với NKT. Điều này cũng là một điểm sáng ghi nhận sự cố gắng của các lãnh đạo, cán bộ tại địa phương khi cố gắng, vận động/ kết nối với những nguồn lực bên ngoài để mang lại nhiều giá trị hơn cho NKT. Tuy nhiên với tỷ lệ chỉ có khoảng hơn một nửa NKT đã và đang nhận được sự hỗ trợ của hoạt động vận động/ kết nối nguồn lực này thì rõ ràng vẫn cần phải đẩy mạnh hơn nữa việc kết nối vận động nguồn lực hữu ích này. Nguồn lực từ bạn bè được 45.8% NKT lựa chọn. Đây cũng là một nguồn lực quan trọng nhưng lại chưa có sự tham gia tích cực. Bởi đa phần NKT đều mang tâm lý khá tự ti và rụt rè nên việc giao lưu, thiết lập các mối quan hệ sẽ gặp nhiều khó khăn, nên NKT sẽ khó kết bạn, đặc biệt là bạn thân để có thể nhận được sự đồng cảm, chia sẻ từ những người cùng trang lứa.

Có 33,3% NKT cho rằng họ được nhận được sự hỗ trợ từ làng xóm và người dân tại địa phương. Đây là một điều cần quan tâm vì cộng đồng dân cư là yếu tố vô cùng quan trọng ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả của hoạt động hỗ trợ nhưng lại chỉ có rất ít người tham gia. Đây

có thể coi là một thiếu sót rất lớn của những cán bộ làm CTXH tại địa phương khi chưa huy động và tận dụng được nguồn lực quan trọng này. Các cán bộ, nhân viên CTXH cần tìm ra giải pháp để huy động nguồn lực là người dân vào việc hỗ trợ cho NKT tại địa phương.



Biểu đồ 1. Các hỗ trợ NKT nhận được từ hoạt động vận động/kết nối nguồn lực

Nguồn: Khảo sát của đề tài (2019)

Bằng những kỹ năng, phương pháp của CTXH, các cán bộ đảm nhận vai trò thực hiện các hoạt động CTXH đã kết nối NKT tiếp cận với các nguồn vốn chính sách; huy động những nguồn lực để hỗ trợ kinh tế và việc làm cho NKT; hỗ trợ những nhu yếu phẩm hàng ngày; hỗ trợ việc điều trị và khám chữa bệnh. Tất cả đều được các cán bộ tại địa phương thông báo cụ thể đến với từng NKT, gia đình NKT để cho họ có thể thụ hưởng một cách nhanh chóng và đầy đủ nhất.

Biểu đồ 1 cho thấy, thông qua hoạt động vận động, kết nối nguồn lực những NKT ở thị trấn Thanh Sơn đã nhận được sự hỗ trợ từ rất nhiều hình thức, nguồn lực khác nhau, cụ thể là:

Đối với những NKT đã nhận được sự hỗ trợ của hoạt động vận động, kết nối nguồn lực thì chỉ có 35,7% được sự hỗ trợ về tiền mặt. Trên thực tế theo quy định của Nhà nước, chỉ có NKT nặng, đặc biệt nặng sẽ là được hưởng tiền trợ cấp bảo trợ xã hội hàng tháng. Tuy nhiên đối tượng khảo sát trong đề tài này chủ yếu lại là NKT nhẹ nên không thuộc diện được nhận tiền mặt. Do đó tỷ lệ NKT được hỗ trợ tiền không cao, chỉ tập trung vào một số đối tượng do gia đình và người thân hỗ trợ khi họ phát triển sinh kế.

Có 97,1% NKT đã nhận được hỗ trợ về vật chất. Bên cạnh những hỗ trợ về tiền bạc, tùy vào dạng khuyết tật, mức độ khuyết tật, điều kiện sống của NKT mà từ đó thì các lãnh đạo, các cán bộ sẽ có sự huy động sắp xếp và phân chia những vật phẩm khác nhau có thể là những đồ dùng cơ bản như quần áo hay những đồ dùng để phục vụ cho việc chăm sóc và

điều trị như xe lăn, nạng, kính, máy nghe. Về cơ bản đa phần NKT đều nhận được sự hỗ trợ về nguồn lực vật chất.

Có 58,3 % nhận được sự hỗ trợ từ nguồn lực con người. Con người ở đây không phải chỉ về số lượng mà là về chất lượng; nói cách khác đó là tiềm năng con người, đó chính là trình độ, kỹ năng, sự hiểu biết, công sức, sự tích cực của các cán bộ địa phương của gia đình, bạn bè, họ hàng để hỗ trợ cho NKT. Xét tổng thể các yếu tố chỉ có 14 NKT cho rằng mình nhận được sự hỗ trợ từ nguồn lực này. Điều đó cho thấy trình độ kỹ năng chuyên môn, kiến thức, sự nhiệt tình, tích cực của những người tham gia hỗ trợ cho NKT còn nhiều hạn chế, thiếu sót. Có 33,3% NKT nhận được sự hỗ trợ về mặt tinh thần. Nguồn lực tinh thần ở đây được hiểu đó là sự đồng cảm, ủng hộ, khích lệ, chia sẻ, thái độ tôn trọng của gia đình, cộng đồng, chính quyền địa phương dành cho NKT. Con số này đã chứng minh một thực tế là đa phần NKT phải chịu sự kỳ thị, thái độ thiếu tôn trọng từ ngay chính những người thân xung quanh và cả xã hội.

Chỉ có 20,8% NKT cho rằng mình nhận được sự hỗ trợ khác. Hỗ trợ khác ở đây bao gồm những điều kiện vật chất, kỹ thuật như: Hệ thống cầu, đường, giao thông, trường học, bệnh viện, công trình công cộng và thiết chế xã hội đó chính là văn hóa, quan điểm, ý thức xã hội của người dân cùng với hệ thống chính trị tại địa phương tạo ra những điều kiện thuận lợi cho an toàn, tiến bộ, phát triển hòa nhập với cộng đồng của NKT.

Tuy nhiên, thực tế cho thấy tại thị trấn Thanh Sơn thì đa phần NKT không nhận được sự hỗ trợ từ nguồn lực này vì tại địa phương chưa có nhiều công trình giao thông, công trình công cộng dành cho NKT; chất lượng dịch vụ y tế vẫn chưa được đảm bảo; người dân còn có những suy nghĩ, quan điểm tiêu cực, chưa đúng đắn về NKT. Với những nguồn lực được hỗ trợ, có thể thấy cơ bản NKT ghi nhận và đánh giá tốt những hỗ trợ này và những hỗ trợ này đã ít nhiều mang lại hiệu quả cũng như những thay đổi tích cực trong công việc và sinh hoạt hàng ngày của NKT. Kết quả cụ thể được thể hiện ở bảng dưới đây.

Bảng 2. Hiệu quả các nguồn lực tham gia hỗ trợ NKT

Các nguồn lực hỗ trợ	Mức độ hiệu quả			Tổng
	Không hiệu quả	Bình thường	Rất hiệu quả	
Tiền	10%	14,2%	75,8%	100%
Vật chất	32,7%	30,8%	36,5%	100%
Tinh thần	15,6%	33,3%	,8%	100%
Con người	27,8%	58,3%	,%	100%
Khác	19,7%	16,7%	25%	100%

Nguồn: Kết quả khảo sát của đề tài (2023)

Kết quả khảo sát ở Bảng 2 cho thấy các nguồn lực hỗ trợ cho NKT được đánh giá rất tốt với mức độ hiệu quả chiếm tỉ lệ cao. Việc hỗ trợ bằng tiền cho NKT rất quan trọng vì đây là

nguồn lực có thể giúp cải thiện ngay được những vấn đề cấp bách hoặc nâng cao chất lượng sống hàng ngày. Kết quả nghiên cứu cho thấy NKT sử dụng tiền hỗ trợ để đáp ứng chi tiêu cho cuộc sống và các sinh hoạt hàng ngày cũng như để giải quyết những nhu cầu cơ bản cho bản thân và gia đình như mua đồ ăn, quần áo, trả nợ. Cần lưu ý rằng, nếu như các hỗ trợ bằng tiền chỉ để giải quyết các vấn đề hay đáp ứng nhu cầu cơ bản của NKT thì đôi khi lại khiến họ phụ thuộc vào nguồn hỗ trợ này. Do đó trong CTXH, các hỗ trợ vật chất hay tiền, nếu không có vấn đề cấp bách thì cần hướng đến việc giúp NKT nâng cao sinh kế cho họ và gia đình để tạo điều kiện cho họ phát triển và tự cải thiện cuộc sống của họ sau này.

Đối với sự hỗ trợ bằng vật chất thì mức độ hiệu quả lại được đánh giá không cao so với những nguồn lực hỗ trợ còn lại. Cụ thể là có đến 32,7% NKT cho rằng nguồn lực này không hiệu quả và tỷ lệ gần tương đương là 30,8% cho rằng các nguồn lực vật chất hỗ trợ họ chỉ ở mức hiệu quả bình thường. Nói cách khác, nhiều khi họ nhận hỗ trợ là do các chương trình, hoạt động mang đến cho họ chứ thực sự họ cũng không có nhu cầu lắm về những hỗ trợ này. Đây là một nội dung cần quan tâm vì nếu nguồn lực không đáp ứng nhu cầu thì sẽ không mang lại hiệu quả và gây lãng phí nguồn lực trong khi những người khác có nhu cầu lại không được nhận. Nhân viên CTXH hoặc những cán bộ phụ trách triển khai các hoạt động kết nối nguồn lực cần lưu tâm trong việc đánh giá nhu cầu của NKT cũng như có những đề xuất đối với những cá nhân, tổ chức hỗ trợ để có được những nguồn lực đáp ứng tốt nhất cho nhu cầu của NKT.

Các nguồn lực còn lại là nguồn lực về tinh thần hay nguồn lực xã hội và các nguồn lực khác đều có được đánh giá khá hiệu quả. Tuy nhiên vẫn còn có những tỷ lệ nhất định đánh giá ở mức không hiệu quả hoặc bình thường. Cần lưu ý đây là những nguồn lực rất quan trọng vì nhu cầu của NKT không chỉ dừng lại ở những nhu cầu về vật chất hay cuộc sống sinh hoạt hàng ngày mà họ còn rất cần được thoả mãn và đáp ứng những nhu cầu về tinh thần, được giao lưu, vui chơi giải trí và tương tác xã hội. Khi con người được thoả mái về tinh thần thì chất lượng sống của họ sẽ được nâng cao lên đáng kể cũng như các hoạt động khác trong cuộc sống và công việc cũng hiệu quả hơn rất nhiều. Như vậy, vai trò của đội ngũ cán bộ trong lĩnh vực này cần được chú trọng hơn nữa nhằm phát huy và nâng cao tính hiệu quả của các nguồn lực con người, nguồn lực tinh thần để mang lại những lợi ích tốt nhất cho NKT.

4. Thảo luận về kết quả nghiên cứu

Qua đánh giá của NKT, có thể thấy rằng nguồn lực chủ yếu trong hoạt động vận động, kết nối hỗ trợ họ là gia đình NKT và chính quyền địa phương. Những nguồn lực được NKT đánh giá là có vai trò quan trọng trong việc hỗ trợ, mang lại sự ủng hộ về mặt tinh thần rất lớn cho những NKT như người dân tại địa phương và những người họ hàng của NKT thì mức độ tham gia hỗ trợ cho NKT còn rất hạn chế, đa phần chỉ dừng lại ở mức thỉnh thoảng và ít. Do đó nhân viên CTXH cần đẩy mạnh các hoạt động truyền thông, tăng cường sự quan tâm của gia đình và cộng đồng trong việc tạo điều kiện, khích lệ hỗ trợ NKT.

Theo báo cáo của UBND thị trấn Thanh Sơn thì tại địa phương có tới gần 70 doanh nghiệp và 332 hộ kinh doanh cá thể nhưng theo kết quả khảo sát NKT lại cho thấy nguồn lực

này chưa thực sự có nhiều đóng góp và tác động tích cực đến việc hỗ trợ NKT, sự tham gia hỗ trợ còn rất hạn chế. Đáng lẽ với một điều kiện thuận lợi như vậy thì các doanh nghiệp tại địa phương phải là một nguồn lực có vị trí quan trọng đối với NKT, hỗ trợ chính quyền địa phương giải quyết các vấn đề về việc làm và thu nhập cho NKT, đóng góp vào nguồn ngân sách chung cho NKT. Tuy nhiên, chính quyền và doanh nghiệp vẫn không thể nào giải quyết được vấn đề về việc làm cho NKT, nguồn huy động ngân sách dành cho NKT còn rất hạn chế chủ yếu vẫn là của Nhà nước, chưa huy động được sự đóng góp của các doanh nghiệp và các nhà hảo tâm, các nguồn ngoại lực vẫn chưa được phát huy tối đa.

Các nguồn lực hỗ trợ chủ yếu vẫn là chính quyền địa phương và các tổ chức đoàn thể, tổ chức xã hội của nhà nước. Mặc dù cũng có sự hỗ trợ từ phía các doanh nghiệp địa phương hay các nhóm, hội, CLB thiện nguyện tại địa phương thậm chí từ cả những địa phương khác đến nhưng vẫn còn rất ít và hạn chế. Cho nên không chỉ nguồn lực con người mà ngân sách cho việc hỗ trợ NKT cũng còn rất thụ động.

Các cơ sở kinh doanh tại địa phương cũng cho rằng mặc dù cũng rất muốn hỗ trợ nhiều, nhưng cơ sở cũng chỉ buôn bán, kinh doanh nhỏ lẻ, gần 2 năm qua do ảnh hưởng của dịch bệnh nên việc làm ăn, kinh doanh gặp rất nhiều khó khăn và không chỉ đóng góp cho NKT mà chính quyền cũng kêu gọi đóng góp cho nhiều quỹ, nhiều hoạt động khác tại địa phương nữa nên cơ sở cũng phải chi tiêu cẩn trọng, cân đối. Ngoài ra đa phần những đối tượng các cán bộ giới thiệu để cơ sở hỗ trợ, nhận vào làm việc thì là NKT nặng, nên họ lo ngại về chất lượng và hiệu quả công việc. Việc cơ sở nhận NKT vào làm việc thì sẽ được nhiều quyền lợi, ưu đãi hơn, nhưng khi tìm hiểu kỹ mới biết phải nhận từ 30% lao động là NKT mới nhận được sự hỗ trợ, ưu tiên mà thủ tục làm xác nhận thì cũng rắc rối. Như vậy, cơ chế chính sách cũng như bối cảnh khách quan đang là một trong những hạn chế đối với các nguồn lực từ doanh nghiệp. Điều đó đòi hỏi vai trò biện hộ chính sách của nhân viên CTXH cần được đẩy mạnh hơn nữa.

Nguồn lực từ bạn bè của những NKT là rất khó có thể xác định, vai trò của nguồn lực bạn bè thì vẫn được NKT đánh giá nhiều nhất ở mức quan trọng. Nhưng vẫn trải đều ở các mức độ khác từ ít quan trọng cho đến rất quan trọng. Mức độ tham gia vẫn nhiều nhất ở mức ít tham gia, nhưng các mức độ khác vẫn chiếm một tỉ lệ nhất định, phụ thuộc vào hoàn cảnh, đặc điểm và các mối quan hệ xã hội của từng NKT. Tuy nhiên đây là một nguồn lực đáng được quan tâm và trọng dụng để tạo nên nguồn hỗ trợ to lớn về tinh thần, tạo thêm động lực cho NKT để họ cố gắng vượt qua những hạn chế của bản thân để vươn lên trong cuộc sống.

5. Kết luận

Bên cạnh những kết quả đáng ghi nhận đã đạt được, hoạt động vận động và kết nối nguồn lực để hỗ trợ NKT còn tồn tại một số hạn chế: đó là chưa huy động được sự đóng góp của các doanh nghiệp và các nhà hảo tâm, các nguồn ngoại lực vẫn chưa được huy động và phát huy tối đa. Việc đánh giá và xác định nhu cầu, mong muốn của NKT vẫn chưa được thực hiện tốt nên dẫn đến việc hỗ trợ không đầy đủ, kịp thời không đúng với nhu cầu thực tế của NKT. Các cán bộ làm CTXH tại địa phương mới chỉ quan tâm đến việc hỗ trợ những nhu

cầu về mặt vật chất cho NKT, còn những nhu cầu về mặt tinh thần, xã hội thì không được quan tâm đến.

Có thể nói hoạt động vận động, kết nối nguồn lực có ý nghĩa rất quan trọng không chỉ trong việc hỗ trợ NKT mà kết quả của hoạt động vận động, kết nối nguồn lực cũng là thước đo đánh giá: Năng lực vận động của các lãnh đạo và các cán bộ công chức tại địa phương; Hiệu quả hoạt động của cá nhân, tổ chức của tập thể ban lãnh đạo và đội ngũ cán bộ thực hiện các hoạt động CTXH tại thị trấn Thanh Sơn; Ảnh hưởng, uy tín của chính quyền, của từng cán bộ trong cộng đồng.

Chính vì vậy, bên cạnh việc nắm bắt tình hình NKT tại thị trấn Thanh Sơn, xác định những khó khăn và nhu cầu của NKT, tìm kiếm, đánh giá, xác định các nguồn lực cần thiết cho hoạt động hỗ trợ NKT thì biện pháp tốt nhất để cải thiện, nâng cao hiệu quả của hoạt động vận động, kết nối nguồn lực đó là mỗi một cá nhân, mỗi một cơ quan, ban, ngành trong đội ngũ cán bộ, chính quyền địa phương phải tự tìm cách để nâng cao năng lực chuyên môn; nâng cao hiệu quả hoạt động của công việc; cũng như nâng cao uy tín và sức ảnh hưởng của mình đối với cộng đồng người dân tại thị trấn Thanh Sơn.

Tài liệu tham khảo

- Bộ Lao động - Thương binh và xã hội (2011). *Kết quả khảo sát Người khuyết tật*. Hà Nội: Nxb Lao động - Xã hội.
- Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (2014). Báo cáo khảo sát hệ thống hỗ trợ NKT trong lĩnh vực lao động và xã hội ở Việt Nam
- Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn (2014). *Giáo trình công tác xã hội với người khuyết tật*. Hà Nội: Nxb Đại học Quốc gia
- Hà Thị Thu (2010). *Công tác xã hội với Người khuyết tật*. Hà Nội: Nxb Lao động Xã hội
- Mai Thị Phương (2014). Vấn đề Công tác xã hội với Người khuyết tật. Luận văn thạc sĩ
- Oliver, M. & Sapey, B. (2011). *Công tác xã hội với người khuyết tật*
- UNICEF (2016). *Công tác xã hội với người khuyết tật: Truyền thông cộng đồng hỗ trợ người khuyết tật*.
- USAID & VNAH (2015). *Tài liệu tập huấn về chính sách trợ giúp NKT, quyền và quy trình thực thi quyền của NKT*. Hà Nội: Nxb Dân trí.
- Viện nghiên cứu phát triển xã hội, Tổ chức Oxfam Novib & Trường Đại học Lao động Xã hội (2012). *Giảm phân kỳ thị và phân biệt đối xử với NKT- người nhiễm HIV- người nghiện ma túy- người mại dâm ở Việt Nam*. Hà Nội: Nxb Lao động Xã hội.